

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **5410**/BTC-QLCSHà Nội, ngày **23** tháng 4 năm 2025

V/v Đăng tải lấy ý kiến tham gia về dự thảo Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Kính gửi: Công thông tin điện tử Chính phủ.

Ngày 04/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, có hiệu lực thi hành từ ngày ký (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ). Thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và Thuyết minh Thông tư.

Theo quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị Công thông tin điện tử Chính phủ đăng tải nội dung bản dự thảo Thông tư và Thuyết minh (nêu trên) lên Công thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi.

(Dự thảo Thông tư và Thuyết minh - đính kèm).

Mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan. *J*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục CNTT (để đăng tải trên Cổng TTĐT Bộ Tài chính);
- Tạp chí Kinh tế - Tài chính (để đăng tải trên Trang thông tin về TSC);
- Lưu: VT, QLCS. *(9/2)*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Bùi Văn Kháng**

Số:/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

**Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn
tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và hướng dẫn việc kê khai,
báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải**

Căn cứ Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Chương I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chế độ quản lý, tính hao mòn đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là tài sản cố định và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do Nhà nước đầu tư, quản lý.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với các trường hợp:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (sau đây gọi là Nghị định số 84/2025/NĐ-CP).

b) Xác định tuổi thọ tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo, mở rộng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

c) Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để: Cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải.

2. Cơ quan quản lý hàng hải, gồm: Cơ quan quản lý hàng hải ở trung ương, cơ quan quản lý hàng hải ở địa phương quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

3. Cơ quan được giao quản lý tài sản là cơ quan quản lý hàng hải quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản ở trung ương), điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản ở địa phương).

4. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Chương II

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

Điều 3. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định nguyên giá, giá trị còn lại, tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này gồm:

1. Bến cảng, bến phao.
2. Trụ sở, cơ sở dịch vụ, kho, bãi, nhà xưởng và các công trình phụ trợ khác trong khu vực bến cảng.
3. Hệ thống thông tin giao thông, thông tin liên lạc và hệ thống điện, nước trong khu vực bến cảng.
4. Đèn biển và nhà trạm gắn với đèn biển; đăng tiêu độc lập.
5. Phao, tiêu, nhà trạm và cầu tàu phục vụ quản lý vận hành phao tiêu.
6. Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS).
7. Đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ.
8. Luồng hàng hải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch.
9. Khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển.
10. Hệ thống thông tin duyên hải Việt Nam gồm máy móc, trang thiết bị, nhà cửa, vật kiến trúc và các công trình phụ trợ phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Hệ thống thông tin duyên hải Việt Nam.
11. Các tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khác.

Điều 4. Tiêu chuẩn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải xác định là tài sản cố định

1. Xác định tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:
 - a) Tài sản sử dụng độc lập được xác định là một tài sản.
 - b) Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được thì hệ thống đó được xác định là một tài sản.

c) Trường hợp một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan quản lý thì phần tài sản được giao cho từng cơ quan là một tài sản.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 1 Điều này được xác định là tài sản cố định khi thỏa mãn đồng thời 02 tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên.

b) Có nguyên giá từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý và trách nhiệm của cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này phải được lập hồ sơ tài sản để quản lý chặt chẽ về hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan. Các chỉ tiêu về nguyên giá, hao mòn, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải xác định là tài sản cố định là số nguyên; trường hợp kết quả xác định các chỉ tiêu này là số thập phân thì được làm tròn theo quy định tại pháp luật về kế toán.

2. Mỗi một tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại Điều 4 Thông tư này là một đối tượng ghi sổ kế toán. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phải phản ánh, ghi chép đầy đủ thông tin về nguyên giá, hao mòn, giá trị còn lại của tài sản.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải không còn nhu cầu sử dụng nhưng chưa tính đủ hao mòn theo quy định thì cơ quan quản lý tài sản tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định hiện hành và tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này cho đến khi được xử lý theo quy định.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã tính đủ hao mòn nhưng vẫn tiếp tục sử dụng được thì cơ quan quản lý tài sản tiếp tục thực hiện quản lý, sử dụng, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định hiện hành và không phải tính hao mòn.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã tính đủ hao mòn nhưng sau đó thuộc trường hợp thay đổi nguyên giá theo quy định tại Điều 7 Thông tư này thì phải tính hao mòn theo quy định cho thời gian sử dụng còn lại (nếu có) sau khi thay đổi nguyên giá.

5. Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì cơ quan quản lý tài sản đó tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi và tính hao mòn tài sản theo quy định tại Thông tư này trong thời gian cho thuê quyền khai thác tài sản.

6. Trường hợp chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì trong thời gian chuyển nhượng, cơ quan quản lý tài sản (bên chuyển nhượng):

a) Có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của bên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

b) Không thực hiện tính hao mòn tài sản theo quy định tại Thông tư này và phải tiếp tục theo dõi nguyên giá tài sản đã hạch toán tại thời điểm chuyển

nhượng trên sổ kế toán và theo dõi trên thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

c) Khi hết thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (bao gồm cả trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn), cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản theo hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và quy định của pháp luật; xác định lại nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 6, Điều 12 Thông tư này để thực hiện quản lý, tính hao mòn theo quy định tại Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

7. Trường hợp sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì trong thời gian bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án, cơ quan quản lý tài sản:

a) Có trách nhiệm theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án.

b) Không thực hiện tính hao mòn tài sản theo quy định tại Thông tư này và phải tiếp tục theo dõi nguyên giá tài sản đã hạch toán tại thời điểm bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án và theo dõi trên thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

c) Khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản theo quy định, xác định lại giá trị còn lại của tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều 6, Điều 12 Thông tư này để thực hiện quản lý, tính hao mòn theo quy định tại Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

8. Cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư này có trách nhiệm:

a) Thực hiện kế toán đối với toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao quản lý theo quy định của chế độ kế toán hiện hành; *bảo đảm số liệu tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải của đơn vị trên sổ kế toán phải phù hợp với số liệu báo cáo trên hệ thống cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.*

b) Thực hiện kiểm kê tài sản định kỳ hằng năm; thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán nếu có chênh lệch phát sinh khi thực hiện kiểm kê nhằm đảm bảo số liệu trên sổ kế toán và số liệu thực tế của tài sản cố định khớp đúng.

c) Thực hiện báo cáo kê khai, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

Chương III

NGUYÊN GIÁ, HAO MÒN, GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

Điều 6. Xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ mua sắm, đưa

vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên} \\ \text{giá tài sản} \\ \text{kết cấu hạ} \\ \text{tầng hàng} \\ \text{hải do mua} \\ \text{sắm} \end{array} = \left(\begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{trị ghi} \\ \text{trên} \\ \text{hóa} \\ \text{đơn} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản chiết} \\ \text{khấu thương mại} \\ \text{hoặc giảm giá} \\ \text{hoặc phạt người} \\ \text{bán (nếu có)} \end{array} \right) + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc} \\ \text{dỡ, chi phí sửa} \\ \text{chữa, cải tạo,} \\ \text{nâng cấp, chi} \\ \text{phí lắp đặt,} \\ \text{chạy thử} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản thuế (không} \\ \text{bao gồm các khoản} \\ \text{thuế được khấu trừ,} \\ \text{hoàn lại); các khoản} \\ \text{phí, lệ phí theo quy} \\ \text{định của pháp luật về} \\ \text{phí và lệ phí (nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{khác} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Trong đó:

a) Các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán (nếu có) được trừ vào giá trị ghi trên hóa đơn chỉ được áp dụng trong trường hợp giá trị ghi trên hóa đơn bao gồm cả các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải mà cơ quan đã chỉ ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng/khối lượng/chiều dài/ diện tích/giá trị ghi trên hóa đơn của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phát sinh chi phí chung...).

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ đầu tư xây dựng mới, được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, nguyên giá được xác định là giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Một số trường hợp đặc biệt được quy định như sau:

a) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng (do đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng) nhưng chưa có quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thực hiện ghi sổ kế toán tài sản kể từ ngày bàn giao đưa tài sản vào sử dụng. Nguyên giá ghi sổ kế toán là nguyên giá tạm tính. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trị thẩm tra quyết toán.
- Giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán.
- Tổng giá trị của các Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng tương ứng với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đó giữa chủ đầu tư và nhà thầu (Quyết toán A-B).
- Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất;
- Giá trị dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).

Khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, cơ quan quản lý tài sản thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính theo giá trị quyết

toán được phê duyệt để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán tài sản theo quy định.

b) Trường hợp dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau nhưng không dự toán riêng, không quyết toán riêng cho từng hạng mục, tài sản thì thực hiện phân bổ giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán theo tiêu chí cho phù hợp (như: số lượng, dự toán chi tiết, tỷ trọng theo giá trị thị trường của tài sản tương ứng...).

Trường hợp dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau, có dự toán riêng nhưng không quyết toán riêng cho từng hạng mục, tài sản thì thực hiện phân bổ giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo tỷ lệ tại dự toán chi tiết đối với từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán.

c) Đối với dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau mà được đầu tư, nghiệm thu theo từng hạng mục, tài sản thì hạng mục, tài sản nào đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng, nghiệm thu đưa vào sử dụng phải ghi sổ kế toán đối với hạng mục, tài sản đó kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng. Nguyên giá ghi sổ kế toán là nguyên giá tạm tính theo quy định tại điểm a khoản này.

Khi quyết toán dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan quản lý tài sản thực hiện phân bổ giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán, điều chỉnh sổ kế toán (đối với hạng mục, tài sản đã ghi sổ kế toán) theo tiêu chí cho phù hợp (như: số lượng, dự toán chi tiết, tỷ trọng theo giá trị thị trường của tài sản tương ứng...).

d) Trường hợp giá trị quyết toán của dự án phải điều chỉnh theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền sau khi được thanh tra, kiểm toán thì cơ quan quản lý tài sản phải thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

đ) Trường hợp trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản khác (không thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại Điều 3 Thông tư này) thì phải loại trừ phần giá trị đầu tư vào tài sản khác trong giá trị quyết toán của dự án khi xác định nguyên giá tài sản.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền từ ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này) thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá tài sản} \\ \text{kết cấu hạ tầng} \\ \text{hàng hải được} \\ \text{giao, điều chuyển} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá} \\ \text{ghi trên Biên} \\ \text{bản bàn giao,} \\ \text{tiếp nhận tài} \\ \text{sản} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển,} \\ \text{bốc dỡ, chi phí sửa} \\ \text{chữa, cải tạo, nâng} \\ \text{cấp, chi phí lắp đặt,} \\ \text{chạy thử} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản phí,} \\ \text{lệ phí theo quy} \\ \text{định của pháp} \\ \text{luật về phí và} \\ \text{lệ phí (nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{khác} \\ \text{(nếu} \\ \text{có)} \end{array}$$

Trong đó:

a) Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định như sau:

a1) Đối với tài sản đã được theo dõi, ghi sổ kế toán, nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản là nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã được theo dõi, ghi sổ kế toán của cơ quan có tài sản giao, điều chuyển.

Trường hợp tài sản chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển tài sản, cơ quan có tài sản có trách nhiệm đánh giá lại giá trị tài sản, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản. Trong đó:

- Trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển (là tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đang giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý) chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này.

- Trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển do các đối tượng không phải là cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc đánh giá lại giá trị tài sản của các đối tượng đó. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này.

a2) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán nhưng có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

a3) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định tại điểm a2 khoản này nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng thì nguyên giá để ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá ghi trên} \\ \text{Biên bản bàn giao,} \\ \text{tiếp nhận tài sản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây} \\ \text{dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương} \\ \text{đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá mua mới của tài sản cùng loại áp dụng đối với tài sản không phải là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc là giá của tài sản mới cùng loại được bán trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

- Giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương áp dụng đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc được hình thành thông qua mua sắm) được xác định theo công thức sau:

Giá xây dựng mới của tài sản	=	Đơn giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương nơi có tài sản) áp dụng tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng	x	Diện tích, thể tích xây dựng/ Số lượng/tiêu chí khác (nếu có) của tài sản	+	Giá trị của các kết cấu khác gắn với công trình/hạng mục công trình (như: trần, sàn/tiêu chí khác (nếu có)) xác định theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương nơi có tài sản) tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng
------------------------------	---	---	---	---	---	--

a4) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định tại điểm a2 khoản này, không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng theo quy định tại điểm a3 khoản này thì sử dụng giá quy ước do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định để làm nguyên giá tài sản.

a5) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán mà không có căn cứ để xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này thì cơ quan quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá để xác định giá trị tài sản làm căn cứ xác định nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao, được điều chuyển mà cơ quan tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã chỉ ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng (bao gồm cả chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị tài sản). Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng/khối lượng/chiều dài/ diện tích/giá trị tài sản phát sinh chi phí chung/tiêu chí khác (nếu có)).

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có giao cho cơ quan quản lý tài sản theo quy định tại Chương II Nghị định số 84/2025/NĐ-CP mà giá trị tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì sau khi tiếp nhận, cơ quan quản lý tài sản phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản trước khi giao (Bên giao) căn cứ nguồn gốc hình thành tài sản, các hồ sơ có liên quan để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo quy định tương ứng tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 9 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, khoản 1, khoản 2 Điều này và khoản 2 Điều 15 Thông tư này.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong quá trình sử dụng thực hiện kiểm kê phát hiện thừa thì tùy theo nguồn gốc và thời điểm đưa vào sử dụng, nguyên giá của tài sản được xác định tương ứng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản sau khi hết thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 5 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định lại bằng (=) nguyên giá đã hạch toán

tại thời điểm chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản cộng (+) giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả việc bù trừ phần giá trị của bộ phận tài sản tháo dỡ (nếu có)); trong đó phần giá trị tăng thêm do đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt được xác định tương tự quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản sau khi hết thời gian tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 5 Thông tư này thì cơ quan quản lý tài sản thực hiện thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại của tài sản.

Điều 7. Các trường hợp thay đổi (điều chỉnh) nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Đánh giá lại giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khi thực hiện kiểm kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. *Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt* (bao gồm cả trường hợp dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản khác nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có và trường hợp chủ đầu tư dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản không phải là cơ quan quản lý tài sản).

3. Tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (trong trường hợp giá trị bộ phận tài sản tháo dỡ đang được hạch toán chung trong nguyên giá tài sản), trừ trường hợp việc tháo dỡ để thay thế khi bảo trì công trình.

4. Lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, trừ trường hợp lắp đặt để thay thế khi bảo trì công trình.

5. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản được khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật về bảo trì hàng hải hoặc được khôi phục lại thông qua bảo hiểm, bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan).

Điều 8. Xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong trường hợp thay đổi nguyên giá tài sản

Khi phát sinh việc thay đổi nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong các trường hợp quy định tại Điều 7 Thông tư này, cơ quan quản lý tài sản thực hiện lập Biên bản ghi rõ lý do (trường hợp) thay đổi nguyên giá; đồng thời xác định lại chỉ tiêu nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải làm cơ sở xác định mức hao mòn, giá trị còn lại của tài sản để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện việc quản lý, tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này.

Việc xác định lại nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đối với các trường hợp thay đổi nguyên giá quy định tại Điều 7 Thông tư này thực hiện như sau:

1. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định lại theo hướng dẫn của cơ quan, người có thẩm quyền về kiểm kê, đánh giá lại tài sản.

2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán cộng (+) phần giá trị tăng thêm do đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Trong đó, phần giá trị tăng thêm do nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt được xác định tương tự quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

Trường hợp dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản khác nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có và trường hợp chủ đầu tư dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản không phải là cơ quan quản lý tài sản thì phần giá trị tăng thêm do nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là phần giá trị đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong giá trị quyết toán của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với trường hợp tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán trừ (-) phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tháo dỡ cộng (+) chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tháo dỡ mà cơ quan quản lý tài sản đã chi ra tính đến thời điểm hoàn thành việc tháo dỡ, trừ việc tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản để thay thế thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Trong đó, phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tháo dỡ được xác định như sau:

a) Trường hợp có hồ sơ xác định giá mua, giá trị quyết toán/giá trị dự toán của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tháo dỡ thì phần giá trị của bộ phận tài sản tháo dỡ được xác định theo giá mua, giá trị quyết toán/giá trị dự toán của bộ phận tài sản tháo dỡ.

b) Trường hợp không có hồ sơ quy định tại điểm a khoản này nhưng phân bổ được nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho bộ phận tài sản tháo dỡ theo tiêu chí phù hợp (như: số lượng, khối lượng, giá mua, dự toán...) thì phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tháo dỡ được xác định theo giá trị phân bổ.

c) Trường hợp không có hồ sơ quy định tại điểm a khoản này và không phân bổ được nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho bộ phận tài sản tháo dỡ quy định tại điểm b khoản này thì xác định phần giá trị của bộ phận tài sản tháo dỡ là giá mua mới của bộ phận tài sản đó trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

Trường hợp không xác định được giá mua mới của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tháo dỡ trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì cơ quan quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp

luật về giá để xác định phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tháo dỡ làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản sau khi tháo dỡ.

4. Đối với trường hợp lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán cộng (+) phần giá trị tăng thêm do lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (+) chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, trừ việc lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản để thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Trong đó, phần giá trị tăng thêm do lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là giá trị tương ứng của bộ phận tài sản được lắp đặt thêm xác định theo các trường hợp tương ứng quy định tại Điều 6 Thông tư này.

5. Đối với trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này thì cơ quan quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản (bao gồm cả chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản) phù hợp với quy định tại Điều 10 Thông tư này đối với tài sản bị thiệt hại để ghi trên Biên bản xác định việc thay đổi nguyên giá. Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong trường hợp này được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá tài} \\ \text{sản kết cấu hạ} \\ \text{tầng hàng hải} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại} \\ \text{của tài sản theo} \\ \text{đánh giá lại} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn của tài sản} \\ \text{theo quy định tại Điều 10 Thông tư này (năm)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn còn lại} \\ \text{của tài sản theo đánh giá lại (năm)} \end{array}}$$

Điều 9. Nguyên tắc tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải xác định là tài sản cố định quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này được giao cho cơ quan quản lý tài sản phải tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan quản lý tài sản không phải tính hao mòn đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa tính hết hao mòn nhưng đã bị hư hỏng không thể sửa chữa để sử dụng được.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã tính đủ hao mòn nhưng vẫn còn sử dụng được.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

3. Việc tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thực hiện mỗi năm một lần vào ngày 31 tháng 12, trước khi khóa sổ kế toán.

Điều 10. Danh mục tài sản, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Danh mục tài sản, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (trừ thời gian tính hao mòn tài sản đối với các trường hợp

quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này) như sau:

STT	Danh mục các loại tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	Thời gian sử dụng để tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
1	Bến cảng	50	2
2	Bến phao	20	5
3	Trụ sở, cơ sở dịch vụ, nhà xưởng và các công trình phụ trợ khác trong khu vực bến cảng		
	- Cấp I	80	1,25
	- Cấp II	50	2
	- Cấp III	25	4
	- Cấp IV	15	6,67
4	Kho, bãi	25	4
5	Hệ thống thông tin giao thông, thông tin liên lạc và hệ thống điện, nước trong khu vực bến cảng	10	10
6	Đèn biển, đăng tiêu độc lập		
	- Cấp I	80	1,25
	- Cấp II	50	2
	- Cấp III	25	4
	- Cấp IV	15	6,67
7	Phao, tiêu	10	10
8	Nhà trạm gắn với đèn biển, Nhà trạm và cầu tàu phục vụ quản lý vận hành phao tiêu		
	- Cấp I	80	1,25
	- Cấp II	50	2
	- Cấp III	25	4
	- Cấp IV	15	6,67
9	Nhà trạm, vật kiến trúc (Nhà điều hành, công trình xây dựng) phục vụ trực tiếp cho hoạt động hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS)		
	- Cấp I	80	1,25
	- Cấp II	50	2
	- Cấp III	25	4
	- Cấp IV	15	6,67

10	Đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ		
	- Cấp I	80	1,25
	- Cấp II	50	2
	- Cấp III	25	4
	- Cấp IV	15	6,67
11	Luồng hàng hải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch	50	2
12	Khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển	50	2
13	Tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc và các công trình phụ trợ phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Hệ thống Thông tin duyên hải Việt Nam		
	- Cấp I	80	1,25
	- Cấp II	50	2
	- Cấp III	25	4
	- Cấp IV	15	6,67
14	Tài sản là máy móc, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Hệ thống Thông tin duyên hải Việt Nam	10	10
15	Các tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khác	10	10

(Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tại dự thảo Thông tư cơ bản kế thừa quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 – **Đề nghị Bộ Xây dựng (Bộ quản lý chuyên ngành về lĩnh vực hàng hải), UBND cấp tỉnh** có ý kiến cụ thể về Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải nêu trên)

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được sử dụng ở địa bàn có điều kiện thời tiết, điều kiện môi trường ảnh hưởng đến mức hao mòn của tài sản, trường hợp cần thiết phải quy định thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định khác so với quy định tại Điều 10 Thông tư này thì Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể. Việc điều chỉnh tỷ lệ hao mòn tài sản bảo đảm tăng, giảm không vượt quá 20% tỷ lệ hao mòn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có thay đổi nguyên giá thuộc trường hợp thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản cố định theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này thì thời gian tính hao mòn tài sản bằng (=) thời gian đã tính hao mòn của tài

sản trước khi thay đổi nguyên giá cộng (+) thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản sau khi nâng cấp, mở rộng. Trong đó, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản sau khi nâng cấp, mở rộng được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản sau khi nâng cấp, mở rộng} = \left[\begin{array}{l} \text{Nguyên giá của tài sản sau khi thay đổi} \\ \text{Số hao mòn lũy kế của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 của năm thay đổi nguyên giá} \end{array} \right] : \begin{array}{l} \text{Mức hao mòn hàng năm của tài sản từ năm thay đổi nguyên giá xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này} \end{array}$$

4. Đối với tài sản có thay đổi nguyên giá thuộc trường hợp bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này thì thời gian tính hao mòn tài sản bằng (=) thời gian đã tính hao mòn của tài sản trước khi thay đổi nguyên giá cộng (+) thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản theo đánh giá lại.

5. Đối với tài sản có điều chỉnh, thay đổi nguyên giá theo quy định tại điểm a, điểm d khoản 2 Điều 6 và khoản 3, khoản 4 Điều 7 Thông tư này:

a) Trường hợp năm điều chỉnh, thay đổi nguyên giá chưa hết thời gian tính hao mòn của tài sản theo quy định thì thời gian tính hao mòn của tài sản sau khi được điều chỉnh được tính đến năm mà giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề nhỏ hơn hoặc bằng mức hao mòn hàng năm của tài sản.

b) Trường hợp năm điều chỉnh, thay đổi nguyên giá đã hết thời gian tính hao mòn của tài sản theo quy định thì cộng thêm 01 năm vào thời gian tính hao mòn (năm phát sinh việc điều chỉnh, thay đổi nguyên giá) để xử lý phần giá trị tăng, giảm do điều chỉnh, thay đổi nguyên giá.

Điều 11. Phương pháp tính hao mòn của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Mức hao mòn hàng năm của từng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được tính theo công thức:

$$\text{Mức hao mòn hàng năm của tài sản} = \text{Nguyên giá của tài sản} \times \text{Tỷ lệ hao mòn (\% năm)}$$

Trong đó:

a) Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định theo quy định tại Điều 6, Điều 8 Thông tư này.

b) Tỷ lệ hao mòn được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao, nhận điều chuyển quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này nhưng chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán, tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khi thực hiện kiểm kê phát hiện thừa theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này thì mức hao mòn hàng năm của tài sản kể từ sau năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại cơ quan quản lý tài sản được xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.

Riêng năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại cơ quan quản lý tài sản (năm cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận tài sản/năm thực hiện kiểm kê phát hiện thừa) thì mức hao mòn của tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức hao} \\ \text{mòn của năm} \\ \text{đầu tiên ghi} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Mức hao mòn} \\ \text{hàng năm của tài} \\ \text{sản xác định theo} \\ \text{công thức quy} \\ \text{định tại khoản 1} \\ \text{Điều này} \end{array} \times \left(\begin{array}{c} \text{Thời gian tính hao} \\ \text{mòn của tài sản} \\ \text{cùng loại theo quy} \\ \text{định tại khoản 1} \\ \text{Điều 10 Thông tư} \\ \text{này (năm)} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Thời gian tính hao mòn} \\ \text{còn lại của tài sản theo} \\ \text{quy định hoặc thời gian} \\ \text{tính hao mòn còn lại} \\ \text{của tài sản theo đánh} \\ \text{giá lại (năm)} \end{array} \right)$$

3. Số hao mòn lũy kế của từng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được tính theo công thức:

$$\begin{array}{c} \text{Số hao mòn} \\ \text{lũy kế tính đến} \\ \text{ngày 31 tháng} \\ \text{12 năm (n)} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Số hao mòn lũy} \\ \text{kế tính đến ngày} \\ \text{31 tháng 12 năm} \\ \text{(n-1)} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Số hao mòn tài} \\ \text{sản tăng trong} \\ \text{năm (n)} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Số hao mòn tài} \\ \text{sản giảm trong} \\ \text{năm (n)} \end{array}$$

4. Số hao mòn tài sản cho năm cuối cùng của thời gian tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định là hiệu số giữa nguyên giá và số hao mòn lũy kế của tài sản đó xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 12. Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để ghi sổ kế toán được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Giá trị còn lại của tài sản tính đến} \\ \text{ngày 31 tháng 12 năm (n)} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Nguyên giá} \\ \text{của tài sản} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Số hao mòn lũy kế đến} \\ \text{ngày 31 tháng 12 năm (n)} \end{array}$$

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được đánh giá lại giá trị tài sản quy định tại khoản 6 Điều 6, khoản 5 Điều 8 Thông tư này thì giá trị còn lại của tài sản khi đánh giá lại là giá trị còn lại của tài sản theo đánh giá lại.

Chương IV

KÊ KHAI, BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

Điều 13. Mẫu báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

Mẫu báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được quy định như sau:

1. Báo cáo kê khai lần đầu theo Mẫu số 01A quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này áp dụng đối với:

Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có tại thời điểm Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (bao gồm cả tài sản đã báo cáo kê khai lần đầu theo quy định tại Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải);

Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phát sinh kể từ ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

2. Báo cáo kê khai bổ sung theo Mẫu số 01B, Mẫu số 01C quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin về cơ quan quản lý tài sản hoặc thông tin về tài sản kết cấu hạ tầng

hàng hải đã báo cáo kê khai lần đầu.

Điều 14. Mẫu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

Mẫu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được quy định như sau:

1. Báo cáo tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo từng phương thức quy định tại các Điều 13, 14 và 15 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP theo Mẫu số 01D quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo Mẫu số 02A quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Báo cáo tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo Mẫu số 02B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có trước ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đã xác định giá trị để ghi sổ kế toán theo quy định tại Nghị định số 43/2018/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính thì sử dụng giá trị đã xác định để ghi sổ kế toán.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có trước ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành nhưng chưa xác định giá trị để ghi sổ kế toán, chưa tính hao mòn cho các năm đã sử dụng tài sản theo quy định tại Nghị định số 43/2018/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính thì việc xác định giá trị tài sản, tính hao mòn lũy kế cho các năm đã sử dụng tài sản thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã được theo dõi trên sổ kế toán của cơ quan quản lý tài sản trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, có thời gian để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này thay đổi so với quy định tại Phụ lục số ban hành kèm theo Thông tư số 75/2018/TT-BTC thì từ năm tài chính 2025 thực hiện xác định mức hao mòn hàng năm của tài sản như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức hao mòn hàng năm} \\ \text{của tài sản} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của tài sản} \\ \text{tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo sổ kế toán} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản (năm)} \end{array}}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn} \\ \text{còn lại của tài sản (năm)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn của tài} \\ \text{sản cùng loại theo quy định (năm)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thời gian đã sử dụng} \\ \text{của tài sản (năm)} \end{array}$$

Thời gian tính hao mòn của tài sản cùng loại được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

Riêng mức hao mòn tài sản cho năm cuối cùng thuộc thời gian để tính hao mòn của tài sản được xác định là hiệu số giữa nguyên giá và số hao mòn lũy kế của tài sản đó.

Trường hợp tài sản đã hết thời gian tính hao mòn theo quy định, nhưng tài sản vẫn còn giá trị còn lại thì mức hao mòn của năm 2025 bằng giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 16. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025 và được áp dụng từ năm tài chính 2025.

2. Các nội dung quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tại Điều 1 đến Điều 11 và mục III Phụ lục của Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi hết hiệu lực thi hành khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện việc quản lý, tính hao mòn, kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính, Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Khăng

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU

(Kèm theo Thông tư số/2025/TT-BTC ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số 01A	Báo cáo kê khai lần đầu tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
Mẫu số 01B	Báo cáo kê khai bổ sung thông tin.
Mẫu số 01C	Báo cáo kê khai tăng, giảm tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
Mẫu số 01D	Báo cáo tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
Mẫu số 02A	Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
Mẫu số 02B	Báo cáo tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

BỘ XD/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...
ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Kê khai lần đầu tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

A. Thông tin về đối tượng báo cáo

Tên đối tượng:.....

Mã đơn vị:

Địa chỉ: Thôn/Xóm..... Xã/Phường..... Quận/Huyện

..... Tỉnh/Thành phố

Loại hình:

B. Thông tin về người lập biểu:

Họ và tên:

Điện thoại liên hệ:

Email:

C. Thông tin về tài sản

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Khối lượng/Chiều dài...	Diện tích (m ²)		Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản		Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ mục đích công cộng
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn lập Mẫu số 01A:

- Đối tượng báo cáo: Tên cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ, khoản 3 Điều 2 Thông tư này.
- Cột (2) Tài sản: Danh mục tài sản thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Điều 3 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư này.
- Cột (4) Năm đưa vào sử dụng: Ghi năm tài sản được bắt đầu đưa vào sử dụng. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán và không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì ghi N/A.

- Cột (7) Diện tích đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Cột (9) Nguyên giá: Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư này.
- Cột (11), (12) Tình trạng tài sản: Còn sử dụng được/Hỏng, không sử dụng được.
- Cột (13): Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ mục đích công cộng theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

BỘ XD/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...
ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Kê khai bổ sung thông tin

A. Thông tin về đối tượng báo cáo

Tên đối tượng báo cáo:

Mã đơn vị:

Địa chỉ: Thôn/Xóm..... Xã/Phường.....

Quận/Huyện..... Tỉnh/Thành phố.....

B. Thông tin thay đổi

STT	Chỉ tiêu	Thông tin đã kê khai	Thông tin thay đổi	Ngày tháng thay đổi thông tin	Lý do thay đổi thông tin	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I. Về cơ quan quản lý tài sản						
1	Tên					
2	Địa chỉ					
3	Cơ quan quản lý cấp trên					
4	Thông tin khác					
II. Về tài sản						
1	Loại/cấp/hạng					
2	Số lượng/Khối lượng/Chiều dài...					
3	Diện tích đất					
4	Diện tích sàn sử dụng nhà					
5	Năm đưa vào sử dụng					
6	Nguyên giá					
7	Giá trị còn lại					
8	Tình trạng sử dụng của tài sản					
9	Phương thức khai thác tài sản					
10	Thông tin khác					

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn lập Mẫu số 01B:

- Đối tượng báo cáo: Tên cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ, khoản 3 Điều 2 Thông tư này.
- Cột (3) Thông tin đã kê khai: Là thông tin tại Mẫu số 01A ban hành kèm theo Thông tư này.
- Phương thức khai thác tài sản: Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

BỘ XD/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...
ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Kê khai tăng, giảm tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

A. Thông tin về đối tượng báo cáo

Tên đối tượng:

Mã đơn vị:.....

B. Thông tin về tài sản

ĐVT: đồng

STT	Danh mục tài sản	Hình thức xử lý tài sản	Quyết định xử lý (Số, ngày)	Đối tượng tiếp nhận tài sản	Tổng số tiền thu được	Số tiền nộp tài khoản tạm giữ	Chi phí xử lý	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9= (6-8)	10
	Tổng cộng								

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
BÁO CÁO**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn lập Mẫu số 01C:

- Đối tượng báo cáo: Tên cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ, khoản 3 Điều 2 Thông tư này.
- Cột (2): Danh mục tài sản thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Điều 3 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư này.
- Cột (3) Hình thức, phương thức xử lý: Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.
- Cột (4) Quyết định xử lý: Theo quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.
- Cột (7), (8), (9): Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

BỘ XD/UBND TỈNH THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Tình hình khai thác tài sản cấu hạ tầng hàng hải
(Theo từng phương thức khai thác tài sản)

A. Thông tin về đối tượng báo cáo

Tên đơn vị: Mã đơn vị:.....

B. Thông tin về tình hình khai thác tài sản

STT	Danh mục tài sản	Phương thức khai thác	Hợp đồng khai thác tài sản				Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được phê duyệt		Quản lý, sử dụng số tiền thu được (đồng)				Ghi chú
			Số, ngày	Giá trị Hợp đồng (đồng)	Thời hạn khai thác (năm, tháng)	Tổ chức, doanh nghiệp nhận khai thác	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (Số/ngày)	Tổng số vốn đầu tư (đồng)	Tổng số tiền đã thu	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp tài khoản tạm giữ	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

....., ngày ... tháng ... năm
....., ngày..... tháng..... năm

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ
CẤP TRÊN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn lập Mẫu số 01D:

- Cột (2): Danh mục tài sản thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Điều 3 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 và Điều 3 Thông tư này.
- Cột (3) Phương thức khai thác: Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.
- Cột (4), (5), (6), (7) Hợp đồng khai thác tài sản: Theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.
- Cột (8), (9) Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được phê duyệt: Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.
- Cơ quan quản lý cấp trên: Là cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan quản lý tài sản.

BỘ XD/UBND TỈNH THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

Kỳ báo cáo

ST T	Cơ quan quản lý tài sản/ Danh mục tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng/K hối lượng/ Chiều dài...	Diện tích (m2)		Giá trị tài sản (đồng)		Hình thức xử lý tài sản						Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản (đồng)			Ghi chú
				Đất	Sân sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Thanh lý	Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Khác	Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng																

....., ngày ... tháng ... năm

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ
CẤP TRÊN (nếu có)**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỘ XD/UBND TỈNH THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

Kỳ báo cáo

ST T	Cơ quan quản lý tài sản/ Danh mục tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng/Kh ối lượng/ Chiều dài...	Diện tích (m ²)		Giá trị tài sản (đồng)		Phương thức khai thác tài sản			Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản (đồng)			Ghi chú
				Đất	Sản sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trực tiếp tổ chức khai thác	Cho thuê quyền khai thác tài sản	Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản	Số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng cộng													

....., ngày ... tháng ... năm

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ
CẤP TRÊN (nếu có)**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ

(Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và việc kê khai báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải)

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở pháp lý

Tại điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định Bộ Tài chính có trách nhiệm: “b) *Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.*”

Theo Quyết định số 3118/QĐ-BTC ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Cục Quản lý công sản được giao xây dựng Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và hướng dẫn kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, trong đó có Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi

Nay, Chính phủ ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP); theo đó một số nội dung quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, loại tài sản, xác định nguyên giá tài sản... đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải không còn phù hợp với quy định tại Nghị định số 84/2025/NĐ-CP; đồng thời, quá trình tổ chức thực hiện Thông tư số 75/2018/TT-BTC đã phát sinh một số vướng mắc bắt cấp cần phải sửa đổi để phù hợp với tình hình thực tế (như: chưa có quy định cụ thể về việc xác định nguyên giá đối với: (i) tài sản chưa theo dõi, ghi sổ kế toán chưa đầy đủ hồ sơ để xác định nguyên giá/không có căn cứ để xác định nguyên giá...; (ii) tài sản trong quá trình sử dụng thực hiện kiểm kê phát hiện thừa; (iii) tài sản tiếp nhận lại sau khi hết thời gian chuyển nhượng có thời hạn khai thác tài sản; (iv) các trường hợp thay đổi (điều chỉnh) nguyên giá tài sản; (v) Chưa loại trừ một số trường hợp không áp dụng quy định về xác định nguyên giá, hao mòn tại Thông tư này như: tài sản giao cho doanh nghiệp tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, xác định tuổi thọ tài sản để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo, mở rộng, bảo trì; xác định giá trị tài sản để cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác...).

Căn cứ quy định trên và chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính tại Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ, việc xây dựng, ban hành Thông tư của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng

hải là cần thiết và có cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Mục đích

Việc ban hành Thông tư nhằm tạo lập cơ sở pháp lý để thực hiện quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và hướng dẫn kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

Thứ nhất, quán triệt đầy đủ quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng, huy động các nguồn lực của nền kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững¹; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực²...

Thứ hai, kế thừa các quy định còn phù hợp của Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, sửa đổi, bổ sung các quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC không còn phù hợp với quy định tại Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và thực tiễn công tác quản lý, tính hao mòn, báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các quy định về quản lý, tính hao mòn các tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khác có tính chất tương đồng.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

Dự thảo Thông tư có kết cấu gồm 5 Chương, 16 Điều và các Phụ lục kèm theo với các nội dung cơ bản như sau:

1. Chương I. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (gồm 02 Điều):

1.1. Phạm vi điều chỉnh của Thông tư (Điều 1 dự thảo Thông tư)

Căn cứ quy định tại Điều 1 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, dự thảo Thông tư:

a) Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và hướng dẫn kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

b) Thông tư không điều chỉnh đối với các trường hợp: (i) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP; (ii) Xác định tuổi thọ tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải; (iii) Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để: Cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

1.2. Đối tượng áp dụng (Điều 2 dự thảo Thông tư)

Căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, dự thảo Thông tư quy định đối tượng áp dụng, gồm: (i) Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải; (ii) Cơ quan quản lý hàng hải ở trung ương/địa phương; (iii) Cơ quan quản lý tài sản; (iv) Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

2. Chương II - Quy định chung về quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (gồm 03 Điều).

2.1. Quy định về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (Điều 3 dự thảo Thông tư):

¹ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

² Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Kế thừa quy định về danh mục tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018, trên cơ sở thực tế thực hiện Tổng kiểm kê và ý kiến của Bộ Xây dựng (Bộ quản lý chuyên ngành về lĩnh vực hàng hải), tại dự thảo Thông tư quy định tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định nguyên giá, giá trị còn lại, tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này gồm: (i) Bến cảng, bến phao; (ii) Trụ sở, cơ sở dịch vụ, kho, bãi, nhà xưởng và các công trình phụ trợ khác trong khu vực bến cảng; (iii) Hệ thống thông tin giao thông, thông tin liên lạc và hệ thống điện, nước trong khu vực bến cảng; (iv) Đèn biển và nhà trạm gắn với đèn biển; đăng tiêu độc lập; (v) Phao, tiêu, nhà trạm và cầu tàu phục vụ quản lý vận hành phao tiêu; (vi) Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS); (vii) Đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ; (viii) Luồng hàng hải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; (ix) Khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển; (x) Hệ thống thông tin duyên hải Việt Nam gồm máy móc, trang thiết bị, nhà cửa, vật kiến trúc và các công trình phụ trợ phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Hệ thống thông tin duyên hải Việt Nam; (xi) Các tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khác.

2.2. Quy định tiêu chuẩn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải xác định là tài sản cố định (*Điều 4 dự thảo Thông tư*)

- Quy định việc xác định tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
- Quy định tiêu chuẩn xác định tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là tài sản cố định gồm: (i) Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên; (ii) Có nguyên giá từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên.

Kế thừa quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC và thực tế quá trình triển khai Tổng kiểm kê, thì chỉ tiêu nguyên giá 10.000.000 đồng để xác định tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là tài sản cố định hiện nay chưa gặp vướng mắc và vẫn đang phù hợp với việc hạch toán theo dõi sổ sách của các đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng. Do đó, tại dự thảo Thông tư vẫn giữ mức nguyên giá như quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC.

2.3. Quy định về nguyên tắc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (*Điều 5 dự thảo Thông tư*):

Căn cứ quy định của pháp luật đối với các tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và thực tế triển khai thực hiện, dự thảo Thông tư quy định tài sản phải được cơ quan quản lý tài sản thực hiện lập hồ sơ tài sản để quản lý chặt chẽ về hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan. Trong đó, có quy định:

- Đối với trường hợp tài sản không còn nhu cầu sử dụng nhưng chưa tính đủ hao mòn theo quy định thì cơ quan quản lý tài sản tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định hiện hành và tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này cho đến khi được xử lý theo quy định.

- Đối với tài sản đã tính đủ hao mòn nhưng vẫn tiếp tục sử dụng được thì cơ quan quản lý tài sản tiếp tục thực hiện quản lý, sử dụng, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định hiện hành và không phải tính hao mòn; trừ trường hợp thay đổi nguyên giá thì phải tính hao mòn theo quy định cho thời gian sử dụng còn lại (nếu có) sau khi thay đổi nguyên giá.

- Đối với trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản thì cơ quan quản lý tài sản đó tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi và tính hao mòn tài sản theo quy định

tại Thông tư này trong thời gian cho thuê quyền khai thác.

- Đối với trường hợp chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thì:

(i) Trong thời gian chuyển nhượng không thực hiện tính hao mòn tài sản theo quy định tại Thông tư này và phải tiếp tục được theo dõi trên thuyết minh báo cáo tài chính. (ii) Khi hết thời hạn chuyển nhượng (bao gồm cả trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn), cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản; xác định lại nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản để thực hiện quản lý, tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này.

3. Chương III. Nguyên giá, hao mòn, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (gồm 07 Điều từ Điều 6 đến Điều 12).

3.1. Quy định về xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (Điều 6 dự thảo Thông tư)

Căn cứ quy định tại Điều 9 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, kế thừa quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC và thực tế triển khai thực hiện, dự thảo Thông tư quy định cụ thể hơn việc xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đối với các trường hợp đã được quy định tại Nghị định số 84/2025/NĐ-CP; cụ thể:

(1) Tài sản hình thành từ mua sắm, đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành: Nguyên giá tài sản được xác định theo công thức.

(2) Tài sản hình thành từ đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành: Nguyên giá được xác định là giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

Đồng thời quy định một số trường hợp đặc biệt: (i) Trường hợp tài sản đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán được phê duyệt; (ii) Trường hợp dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau nhưng không quyết toán riêng cho từng hạng mục; (iii) Đối với dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản khác nhau mà được đầu tư, nghiệm thu theo từng hạng mục, tài sản; (iv) Trường hợp giá trị quyết toán của dự án phải điều chỉnh theo kiến nghị, kết luận của các cơ quan có thẩm quyền sau khi được thanh tra, kiểm toán; (v) Trường hợp trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản khác (không thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải).

(3) Tài sản tiếp nhận từ việc được giao, điều chuyển: Xác định theo công thức (trên cơ sở nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản).

(4) Tài sản khi kiểm kê phát hiện thừa (chưa được theo dõi trên sổ kế toán); Tùy theo nguồn gốc và thời điểm đưa vào sử dụng, nguyên giá của tài sản được xác định tương ứng.

(5) Tài sản tiếp nhận lại sau khi hết thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

(6) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản sau khi hết thời gian tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

3.2. Quy định các trường hợp thay đổi nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và việc xác định nguyên giá tài sản trong trường hợp thay đổi nguyên giá tài sản (Điều 7, Điều 8 dự thảo Thông tư)

Kế thừa quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC và thực tế triển khai thực hiện, dự thảo quy định khi phát sinh việc thay đổi nguyên giá tài sản, cơ quan

quản lý tài sản thực hiện lập Biên bản ghi rõ lý do (trường hợp) thay đổi nguyên giá; đồng thời xác định lại chỉ tiêu nguyên giá của tài sản làm cơ sở xác định mức hao mòn, khấu hao, giá trị còn lại của tài sản để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện việc quản lý, tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này.

3.3. Quy định nguyên tắc tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (*Điều 9 dự thảo Thông tư*)

Kế thừa quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC và thực tế triển khai thực hiện, dự thảo Thông tư quy định tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giao cho cơ quan quản lý tài sản phải tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này, trừ các trường hợp sau đây không phải tính hao mòn:

- Tài sản chưa tính hết hao mòn nhưng đã bị hư hỏng không thể sửa chữa để sử dụng được.

- Tài sản đã tính đủ hao mòn nhưng vẫn còn sử dụng được.

- Tài sản trong thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

3.4. Quy định danh mục tài sản, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (*Điều 10 dự thảo Thông tư*)

Dự thảo Thông tư cơ bản kế thừa quy định về danh mục tài sản, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018; trên cơ sở thực tế thực hiện Tổng kiểm kê và ý kiến của Bộ Xây dựng (Bộ quản lý chuyên ngành về lĩnh vực hàng hải), Cục QLCS hoàn thiện danh mục tài sản, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (*Danh mục gồm 15 loại tài sản*).

Ngoài ra, dự thảo Thông tư quy định về việc xác định thời gian tính hao mòn đối với một số trường hợp có thay đổi thời gian tính hao mòn so với quy định tại Thông tư này; gồm:

- Tài sản được sử dụng ở địa bàn có điều kiện thời tiết, điều kiện môi trường ảnh hưởng đến mức hao mòn của tài sản.

- Tài sản thuộc trường hợp thay đổi nguyên giá.

- Tài sản có điều chỉnh nguyên giá do đang kế toán theo nguyên giá tạm tính (chưa có quyết toán) hoặc theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền sau khi thanh tra, kiểm toán.

3.5. Quy định phương pháp tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (*Điều 11 dự thảo Thông tư*) gồm: (i) Mức hao mòn hàng năm; (ii) Số hao mòn lũy kế.

Kế thừa quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC và thực tế triển khai thực hiện, dự thảo Thông tư quy định cụ thể các xác định mức hao mòn hàng năm đối với trường hợp thông thường, trường hợp kiểm kê phát hiện thừa; đồng thời quy định cách xác định mức hao mòn của năm cuối cùng của thời gian tính hao mòn tài sản.

3.6. Quy định công thức xác định giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (*Điều 12 dự thảo Thông tư*).

$$\text{Giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 năm (n)} = \text{Nguyên giá của tài sản} - \text{Số hao mòn lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm (n)}$$

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được đánh giá lại giá trị tài sản quy định tại khoản 6 Điều 6, khoản 5 Điều 8 Thông tư này thì giá trị còn lại của tài sản khi đánh giá lại là giá trị còn lại của tài sản theo đánh giá lại.

4. Chương IV. kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (gồm 02 Điều)

4.1. Quy định về mẫu báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (*Điều 13 dự thảo Thông tư*)

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, và thực tế triển khai thực hiện Nghị định số 43/2018/NĐ-CP, dự thảo Thông tư quy định cụ thể: (i) Báo cáo kê khai lần đầu theo Mẫu số 01A quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư; (ii) Báo cáo kê khai bổ sung theo các Mẫu số 01B, 01C quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư (trường hợp có thay đổi thông tin về cơ quan được giao quản lý hoặc thông tin về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã báo cáo kê khai lần đầu).

4.2. Quy định về mẫu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (*Điều 14 dự thảo Thông tư*)

* Theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP của Chính phủ thì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phải được:

- Báo cáo kê khai; hình thức báo cáo gồm: (i) Báo cáo kê khai lần đầu áp dụng đối với tài sản hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành (bao gồm cả tài sản đã báo cáo kê khai lần đầu theo quy định tại Nghị định số 43/2018/NĐ-CP); tài sản phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; (ii) Báo cáo kê khai bổ sung áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin về cơ quan quản lý tài sản hoặc thông tin về tài sản sau khi đã báo cáo kê khai lần đầu.

- Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản (hàng năm), gồm: (i) Báo cáo tình hình khai thác tài sản theo từng phương thức quy định tại Nghị định; (ii) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản.

Trên cơ sở đó, dự thảo Thông tư gồm 06 mẫu biểu cáo báo; cụ thể:

- Mẫu số 01A: Báo cáo kê khai lần đầu tài sản.
- Mẫu số 01B: Báo cáo kê khai bổ sung thông tin.
- Mẫu số 01C: Báo cáo kê khai tăng, giảm tài sản.
- Mẫu 01D: Báo cáo tình hình khai thác tài sản.
- Mẫu 02A: Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản.
- Mẫu 02B: Báo cáo tổng hợp tình hình khai thác tài sản.

5. Chương V. Điều khoản thi hành (gồm 02 Điều)

5.1. Quy định về điều khoản chuyển tiếp (*Điều 15 dự thảo Thông tư*)

Căn cứ quy định tại Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, kế thừa quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC và thực tế triển khai thực hiện, dự thảo Thông tư quy định việc xử lý chuyển tiếp:

(1) Đối với tài sản hiện có trước ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đã xác định giá trị để ghi sổ kế toán theo quy định tại Nghị định số 43/2018/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính thì sử dụng giá trị đã xác định để ghi sổ kế toán.

(2) Đối với tài sản hiện có trước ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành nhưng chưa xác định giá trị để ghi sổ kế toán, chưa tính hao mòn cho các năm đã sử dụng tài sản theo quy định tại Nghị định số 43/2018/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính thì việc xác định giá trị tài sản, tính hao mòn lũy kế cho các năm đã sử dụng tài sản thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

(3) Đối với tài sản đã được theo dõi trên sổ kế toán của cơ quan quản lý tài

sản trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, có thời gian để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này thay đổi so với quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 75/2018/TT-BTC.

5.2. Quy định về hiệu lực và trách nhiệm thi hành (*Điều 16 dự thảo Thông tư*): Các nội dung quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tại các Điều và Phụ lục của Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi hết hiệu lực thi hành khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Lý do: Tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC là quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi (trong đó có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải).

IV. Ý KIẾN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA VỤ PHÁP CHẾ

1. Bộ Tài chính có Công văn số/BTC-QLCS ngày/.../2025 gửi lấy ý kiến tham gia của Bộ, ngành, địa phương về dự thảo Thông tư; Công văn số/BTC-QLCS ngày/.../2025 đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Trang thông tin về tài sản công để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân về dự thảo.

Bộ Tài chính đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương (*Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp về dự thảo Thông tư - đính kèm*).

2. Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục QLCS đã có Công văn/..... ngày/.../2025 gửi Vụ PC đề nghị thẩm định đối với hồ sơ dự thảo Thông tư theo quy định.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THỰC HIỆN THÔNG TƯ

Dự thảo Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và hướng dẫn kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để làm căn cứ cho việc kế toán, báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản; không phát sinh tăng chi ngân sách nhà nước cho việc kế toán, báo cáo tài sản quy định tại Thông tư này so với quy định tại Nghị định số 84/2025/NĐ-CP của Chính phủ./.